

Bài 19 CẢM ƠN ANH HÀ MÃ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng câu chuyện *Cảm ơn anh Hà Mã*; tốc độ đọc khoảng 60 – 65 tiếng/phút; biết phân biệt giọng của người kể chuyện với giọng của các nhân vật *dê con, cún, cô hươu, anh Hà Mã*.
b. Nhận biết các nhân vật và sự việc trong câu chuyện, hiểu được ý nghĩa của câu chuyện (Cần phải nói năng lễ phép, lịch sự với mọi người).

2. Biết viết chữ viết hoa M (kiểu 2) cỡ vừa và cỡ nhỏ, viết câu ứng dụng *Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học*.
3. Biết nói về các sự việc trong câu chuyện *Cảm ơn anh hà mã* dựa vào tranh minh họa và câu hỏi gợi ý dưới tranh; kể lại được toàn bộ câu chuyện (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo bài đọc).
4. Có khả năng hợp tác và làm việc nhóm. Hiểu và biết cách sử dụng lời chào, lời cảm ơn, xin lỗi thân thiện, lịch sự, lễ phép.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- GV nắm được đặc điểm VB truyện có bối cảnh, sự việc và các nhân vật; nắm được nội dung VB *Cảm ơn anh hà mã* và thông điệp của truyện này (nói năng lễ phép, lịch sự với mọi người).
- GV nắm được nghĩa của từ ngữ khó trong VB (*phật ý, lịch sự*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.
- GV có hiểu biết về đặc điểm của một số con vật nuôi (cún, dê) và động vật hoang dã (hươu, hà mã) được nhắc đến trong bài đọc.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh minh họa có trong bài học và câu ứng dụng phóng to trên máy tính hoặc giấy khổ to.
- Mẫu chữ viết hoa M (kiểu 2) cỡ vừa và cỡ nhỏ, vở *Tập viết 2 tập hai*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Thư viện biết đi*) và nói về một số điều thú vị học được từ bài học đó.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS quan sát 2 tranh minh họa và làm việc nhóm, trao đổi với nhau về những điều quan sát được trong tranh và trả lời câu hỏi *Em nói lời đáp thế nào trong những tình huống sau?*

Tình huống 1: Tranh vẽ hai bạn gái. Một bạn đứng ở cửa (vừa từ ngoài vào), tay bưng gói quà đang trao cho bạn gái thứ hai (chủ nhà) và miệng nói “Chúc mừng sinh nhật

bạn!”. GV gợi ý bằng những câu hỏi như: *Bạn nhận quà sẽ nói gì? Nếu em được nhận quà sinh nhật em sẽ nói gì?...* Các câu đáp có thể rất đa dạng. GV lưu ý HS khi nhận được quà phải cảm ơn một cách lịch sự, phù hợp với các đối tượng giao tiếp khác nhau.

Tình huống 2: Tranh vẽ bà mẹ và cậu con trai ở trong phòng. Lọ hoa rơi vỡ trên sàn. Bà mẹ nói với cậu con trai: “Thôi, con làm vỡ lọ hoa của mẹ rồi!”. GV gợi ý bằng những câu hỏi như: *Cậu bé sẽ nói gì với mẹ? Nếu là em không may làm vỡ lọ hoa, hay làm hỏng đồ vật trong nhà, em sẽ nói gì?...* GV lưu ý HS trong tình huống này cần nói câu xin lỗi. Cách nói lời xin lỗi có thể rất đa dạng, tùy từng hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp khác nhau.

– Đại diện một số (3 – 4) nhóm chia sẻ trước lớp câu trả lời. Các nhóm khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.

– GV nhận xét chung và giới thiệu bài đọc.

2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu: Bài đọc *Cảm ơn anh hà mã* kể câu chuyện của 4 con vật là dê, cún, hươu và hà mã. Dê và cún vào rừng chơi, khi về bị lạc và phải hỏi đường. Bài đọc sẽ cho chúng ta biết dê và cún đã học được cách hỏi đường lịch sự thế nào.

+ GV đọc mẫu toàn bài đọc. Chú ý ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ, đúng giọng của nhân vật: giọng của dê con thay đổi từ không lịch sự, hách dịch (lúc đầu) đến nhẹ nhàng (lúc cuối); giọng cún nhẹ nhàng, lịch sự; giọng cô hươu lạnh lùng, giọng anh hà mã thay đổi tùy theo cách nói của dê hay của cún. HS đọc thầm theo GV.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài (VD: *Dê rủ cún/ vào rừng chơi,/ khi quay về/ thì bị lạc đường;...*).

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em như *hươu, rừng, làng, lối, rủ, ngoan, lịch sự, xin lỗi, lạc,...*

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của một số từ ngữ khó trong VB (như phần giải thích từ ngữ bài đọc trong SHS). GV cho một số HS đọc to phần giải thích trong SHS và giúp các em hiểu rõ hơn nghĩa của những từ ngữ khó trong VB bằng nhiều hình thức đa dạng (cho HS thực hiện hành động, tranh minh họa, đặt câu,...).

– Luyện đọc theo nhóm:

+ GV chia VB làm 3 đoạn và hướng dẫn HS nhận diện các đoạn:

Đoạn 1: từ đầu đến *lắc đầu, bỏ đi*.

Đoạn 2: tiếp theo đến *phải nói “cảm ơn”*.

Đoạn 3: phần còn lại.

+ HS luyện đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm. Trong nhóm góp ý cho nhau. GV giúp đỡ những HS đọc khó khăn.

+ GV yêu cầu một số HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp, 2 lượt.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài đọc và trả lời các câu hỏi. HS cùng nhau trao đổi và trả lời câu hỏi.

Câu 1. *Hương đã làm gì khi nghe dê hỏi?*

– Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: yêu cầu HS xem lại đoạn 1, thảo luận và tìm câu trả lời.

– GV mời 2 – 3 HS đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng thống nhất câu trả lời.

Đáp án: *Hương trả lời “Không biết.” rồi lắc đầu, bỏ đi.*

Câu 2. *Ý nào sau đây đúng với thái độ của hà mã khi cún nhờ đưa qua sông?*

a. *bực mình bỏ đi*

b. *bực mình nhưng đồng ý đưa qua sông*

c. *vui vẻ đồng ý đưa qua sông*

– Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: yêu cầu HS xem lại đoạn 2, thảo luận để tìm câu trả lời.

– GV mời một số (2 – 3) HS trả lời. GV và HS cùng thống nhất câu trả lời. GV cũng có thể thay đổi hình thức hoạt động, cho các nhóm thi tìm câu trả lời đúng. Hình thức tổ chức hoạt động tùy thuộc vào thời gian và năng lực của HS.

Đáp án: *c. vui vẻ đồng ý đưa qua sông.*

Câu 3. *Vì sao dê con thấy xấu hổ?*

– Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: yêu cầu HS xem lại đoạn 3, thảo luận để tìm câu trả lời.

– GV mời một số (2 – 3) HS trả lời. GV và HS cùng thống nhất câu trả lời. GV lưu ý, đây là câu hỏi mở, HS có thể có các cách nói khác nhau. Đáp án dưới đây chỉ là gợi ý câu trả lời có thể có.

Đáp án: *Vì dê con nhận ra mình đã không nhớ lời cô dặn, đã không nói năng lịch sự, lễ phép nên không được cô hương và anh hà mã giúp.*

Câu 4. *Em học được điều gì từ câu chuyện này?*

– Đây là câu hỏi mở, GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm chung cả lớp:

+ Một HS đọc to câu hỏi. Các HS khác đọc thầm theo.

+ GV có thể hỏi các câu hỏi dẫn dắt: *Vì sao cún nhờ thì anh hà mã giúp còn dê nhờ thì hà mã không muốn giúp? Khi muốn nhờ người khác giúp thì chúng ta phải nói như thế nào? Khi được người khác giúp đỡ ta phải nói như thế nào?*

+ HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời để phát biểu trước lớp.

- Nhiều HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nói lên ý kiến của mình, các ý kiến có thể khác nhau.
- GV nói với HS: Qua câu chuyện này, các em đã biết: *Khi muốn nhờ người khác làm việc gì đó giúp mình, phải nói một cách lịch sự, lễ phép. Khi được người khác giúp đỡ, phải cảm ơn một cách lịch sự.*
- GV lưu ý HS bài học này chính là ý nghĩa của câu chuyện *Cảm ơn anh hà mã.*

4. Luyện đọc lại

- GV đọc thành tiếng toàn bài đọc. Chú ý đọc đúng giọng của từng nhân vật.
- 1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài đọc trước lớp.
- Từng HS tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.
- GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài.
- GV nhận xét hoạt động đọc, tuyên dương HS tiến bộ.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. Trong bài đọc, câu nào là câu hỏi lịch sự với người lớn tuổi?

- Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để tìm ra câu hỏi lịch sự với người lớn tuổi có trong bài đọc. Ghi kết quả làm việc nhóm ra giấy nháp.
- GV yêu cầu đại diện 2 - 3 nhóm trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét. GV khuyến khích HS giải thích sự lựa chọn của mình. GV và HS thống nhất đáp án (*Chào anh hà mã, anh giúp bọn em qua sông được không ạ?*).

Câu 2. Dựa vào bài đọc, nói tiếp các câu.

- Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, xem lại bài đọc và dựa vào kết quả của bài luyện 1 để hoàn thiện câu.
- GV gọi 2 - 3 HS trình bày kết quả thảo luận nhóm. Các HS khác bổ sung hoặc góp ý. GV và HS thống nhất câu trả lời.

Đáp án:

- Muốn ai đó giúp, em cần phải hỏi hoặc yêu cầu một cách lịch sự.*
- Được ai đó giúp, em cần phải nói lời cảm ơn.*

TIẾT 3

VIẾT

1. Viết chữ hoa

- GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa M (kiểu 2) và hướng dẫn HS quan sát và nhận xét:
+ Cấu tạo: chữ M (kiểu 2) cỡ vừa cao 5 li, cỡ nhỏ cao 2,5 li; gồm 3 nét: nét 1 là nét móc hai đầu trái đều lượn vào trong, nét 2 là nét móc xuôi trái, nét 3 là kết hợp của hai nét cơ bản lượn ngang và cong trái nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ phía trên.

+ Cách viết: Nét 1 đặt bút lên đường kẻ 5, viết nét móc 2 đầu trái (2 đầu đều lượn vào trong), dừng bút ở đường kẻ 2. Nét 2 từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên đoạn nét cong ở đường kẻ 5, viết nét móc xuôi trái, dừng bút ở đường kẻ 1. Nét 3 từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đoạn nét móc ở đường kẻ 5, viết nét lượn ngang rồi chuyển hướng đầu bút trở lại để viết tiếp nét cong trái, dừng bút ở đường kẻ 2.

– GV viết mẫu chữ viết hoa *M* (kiểu 2) trên bảng, vừa viết vừa nói lại cách viết.

– HS tập viết chữ viết hoa *M* (kiểu 2) cỡ vừa và cỡ nhỏ (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.

– HS và GV cùng nhận xét.

– HS viết vào vở Tập viết chữ viết hoa *M* (kiểu 2). HS đổi vở cho nhau để góp ý. GV quan sát và uốn nắn cho HS.

– GV kiểm tra bài tập viết của HS, nhận xét nhanh một số bài.

2. Viết ứng dụng

– GV trình chiếu câu ứng dụng lên màn hình hoặc viết câu ứng dụng lên bảng: *Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.*

– Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng câu ứng dụng. Cả lớp đọc đồng thanh.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng (*Muốn biết phải hỏi* được hiểu là có rất nhiều điều chúng ta chưa biết, phải hỏi người biết thì ta sẽ biết. *Muốn giỏi phải học* được hiểu là không ai tự nhiên biết, tự nhiên giỏi. Nếu thường xuyên học hỏi và rèn luyện thì sẽ giỏi.).

– GV hướng dẫn HS quan sát câu ứng dụng, nêu nhận xét:

+ Độ cao của các chữ cái: các chữ *M, g, b, h* cao 2,5 li, các chữ *p, t* cao 2 li, các chữ còn lại cao 1 li.

+ Cách đặt dấu thanh: dấu sắc đặt trên các chữ *ô (muốn), ê (biết)*; dấu hỏi đặt trên các chữ *a (phải), o (hỏi, giỏi)*; dấu nặng đặt dưới chữ *o (học)*.

+ Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng: bằng khoảng cách viết chữ *o*.

+ Vị trí dấu phẩy và dấu chấm.

– GV lưu ý HS cách cầm bút, tư thế ngồi viết.

– HS viết vào vở Tập viết câu ứng dụng: *Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.*

– HS đổi vở cho nhau để góp ý theo cặp hoặc nhóm.

– GV quan sát, hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, khen ngợi HS.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, nói về sự việc trong từng tranh.

- Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:
 - + HS đọc thầm lại bài đọc *Cảm ơn anh hà mã*.
 - + HS quan sát từng tranh và nhận diện các nhân vật (cún, dê con, cô hươu, anh hà mã).
 - + HS đọc câu hỏi và nói về sự việc trong từng tranh.
- GV yêu cầu 2 – 3 nhóm nói lại sự việc trong từng bức tranh (mỗi nhóm 4 người, mỗi người phụ trách 1 tranh.). Các nhóm khác góp ý. GV và HS cùng thống nhất câu trả lời.

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

- GV hướng dẫn cách thực hiện:
 - + Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh, đọc câu hỏi dưới tranh, nhớ lại nội dung câu chuyện; tập kể từng đoạn và cả câu chuyện (không cần chính xác từng câu chữ như trong bài đọc).
 - + Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm và góp ý cho nhau.
- Lưu ý:* Với HS chưa thể kể được cả câu chuyện, GV chỉ yêu cầu kể 1 – 2 đoạn em thích hoặc em nhớ nhất.
- GV mời 2 HS xung phong kể trước lớp (mỗi em kể 2 đoạn hoặc kể nối tiếp đến hết câu chuyện). Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi.
- GV nêu câu hỏi để HS trả lời: *Câu chuyện muốn nói với em điều gì?*
- GV lưu ý HS về thông điệp của bài học: muốn được người khác giúp đỡ, em phải hỏi hoặc đề nghị một cách lịch sự; được người khác giúp đỡ, em phải nói lời cảm ơn.

VẬN DỤNG

Cùng người thân trao đổi về cách chào hỏi thể hiện sự thân thiện hoặc lịch sự.

GV hướng dẫn HS tích cực cùng gia đình trao đổi về cách chào hỏi lịch sự.

CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài 19, các em đã:
 - + Đọc hiểu VB *Cảm ơn anh hà mã*.

- + Viết chữ viết hoa *M* (kiểu 2) và câu ứng dụng *Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.*
- + Kể lại câu chuyện *Cảm ơn anh hà mã.*
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.
- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.